

An Sinh, ngày tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
LỚP MẪU GIÁO 3 TUỔI C1
NĂM HỌC 2024- 2025

Tên nhóm/ lớp: Lớp 3 tuổi C1
Số lượng trẻ trong nhóm/ lớp: 20 trẻ
Số giáo viên/lớp: 02 giáo viên/lớp, tên giáo viên: Lê Thị Thủy –Vi Thị Hồng Thúy
Căn cứ chương trình giáo dục số 193 /CTGD-MNASAcủa trường mầm non An Sinh A năm học 2024-2025;
Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương;
Căn cứ kết quả đánh giá kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục năm học 2023-2024;
Căn cứ khả năng, nhu cầu của trẻ, khả năng của giáo viên, điều kiện thực tế của nhà trường, của lớp học;
Lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi C1 xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG.

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
1. Tổ chức ăn	
MT1. Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ. Trẻ được ăn theo thực	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là:1230 - 1320 Kcal.Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	<i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. <i>+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
2. Tổ chức ngủ	
MT2. Trẻ được ngủ đúng, đủ giấc, an toàn	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
3. Vệ sinh	
MT3. Trẻ được vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT4. Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. Trẻ được theo dõi tiêm chủng. Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc...
MT5. Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi . - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm. - Cân đo:

- Trẻ trai: + Cân nặng: 14,1 -24,2 kg + Chiều cao: 100,7 – 119,2 cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 13,7 - 24,9 kg + Chiều cao: 99,9 – 118,9 cm	- Đối với trẻ bình thường, cân đo: 3 tháng/ lần. - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1 lần/ tháng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.
---	---

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC.

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Phát triển vận động	
MT6: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải

	- Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
MT7: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3 m	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
MT8: Kiểm soát được vận động đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
MT9: - Đi, chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc
MT10: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Tung bóng cho cô - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay - Tập đập và bắt bóng với cô. - Tung bóng lên cao bằng 2 tay

MT11: Trẻ biết thực hiện vận động chuyền bóng theo hàng ngang, dọc	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc
MT12: Trẻ thực hiện được vận động bò, bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Bò trong đường hẹp - Bò chui qua cổng - Bò theo hướng thẳng, đích dắc
MT13: Trẻ thực hiện được vận trườn với các nội dung: - Trườn theo hướng thẳng - Trườn chui dưới cổng	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đích dắc. - Trườn về phía trước. - Trườn chui dưới cổng
MT14: Trẻ thực hiện trèo lên xuống bậc cao 30 cm	- Bước lên xuống bậc cao(30cm).
MT15: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
MT16: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập: Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng
MT17: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập ném xa và ném trúng đích ngang cách 1,5m	- Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)

	- Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay
MT18: Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập đan ngón tay vào nhau	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết
MT19: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch, ngoạc. - Cài, cởi cúc áo. - Xếp chồng các hình khối khác nhau.
MT20: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh(thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc
MT21: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc
MT22: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất

	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT23: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT24: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách
MT25: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi....	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT26: Có một hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
MT27: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh xa phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang nấu...

	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT28: Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm: ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi....
MT29: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
Phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học	
MT30: Trẻ biết đặc điểm của nước, ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT31: Trẻ biết được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày

MT32: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc
MT33: Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: Ví dụ thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi,	- Các thử nghiệm : Chìm- nổi; Vì sao ngọn nến tắt; Cây cần gì để lớn lên và phát triển...
MT34: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng
MT35: Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng: hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát.
MT36: Trẻ biết thời tiết theo mùa	- Hiện tượng tự nhiên
MT37: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
MT38: Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
MT39: Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng của đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi

MT40: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT41: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật	- Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật
MT42: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện được các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình - Các hoạt động của con vật,
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT43: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm theo khả năng
MT44: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
MT45: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều
MT46: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
MT47: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT48: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ

MT49: Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước + So sánh kích thước to hơn – nhỏ hơn hai đối tượng + So sánh kích thước dài hơn– ngắn hơn hai đối tượng + So sánh kích thước cao hơn– thấp hơn hai đối tượng
MT50: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép
MT51: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết tay phải- tay trái của bản thân - Nhận biết phía trên- phía dưới của bản thân - Nhận biết phía trước- phía sau của bản thân
Khám phá xã hội	
MT53: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT54 Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. biết được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình

MT 55: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
MT56: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một nghề phổ biến
MT57: Trẻ có thể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm
Giáo dục Phát triển Ngôn Ngữ	
MT58: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT59: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. biết được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình
MT60: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
MT61: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một nghề phổ biến
MT62: Trẻ có thể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm

MT63: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT64: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT65: Trẻ biết nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng
MT66: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT67: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
MT68: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT69: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của giáo viên
MT70: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe

MT71: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
MT72: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT73: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT74: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn sách - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
MT75: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT76: Trẻ thích vẽ, “ viết” nghịch ngoac.	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Hướng viết của các nét chữ
MT77: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, ...)

Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội	
MT78: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân
MT79: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích	- Những điều bé thích, không thích.
MT80: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn - Trả lời câu hỏi của cô giáo
MT81: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
MT82: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
MT83: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT84: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
MT85: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ

MT 86: Trẻ biết quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	-Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
MT87: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT88: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột
MT89: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết những hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
MT90: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe cô và các bạn nói
MT91: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt
MT92: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT93: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT94: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài	- Tiết kiệm điện nước .
Giáo dục phát triển thẩm mỹ	
MT95: Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các

	sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT96: Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn...thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè
MT97: Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình
MT98: Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
MT99: Trẻ biết thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động đơn giản theo giai điệu của bài hát, bản nhạc.
MT100: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
MT101: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT102: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản

MT103: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT104: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích

Dự kiến kế hoạch chủ đề và thời gian thực hiện : Từ 5/09/2024-23/05/2025

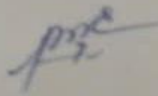
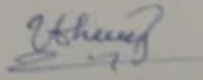
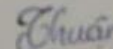
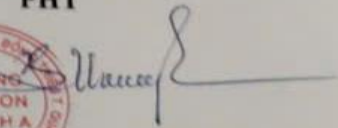
Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện.

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện		Ghi chú
		Thời lượng	Thời gian	
Trường Mầm non Từ 5/9/2024 Đến 04/10/2024	Ngày hội đến trường	1 Tuần	Từ 5/09/2024 đến 13/9/2024	1
	Tết trung thu	1 Tuần	Từ 16/09/2024 đến 20/9/2024	2
	Trường mầm non của bé	1 Tuần	Từ 23/09/2024 đến 27/9/2024	3
	Đồ chơi của bé	1 Tuần	Từ 30/9/2024 đến 04/10/2024	4
Bản thân Từ 7/10/2024 Đến 25/10/2024	Tôi là ai?	1 Tuần	Từ 7/10/2024 đến 11/10/2024	5
	Cơ thể tôi	1 Tuần	Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024	6
	Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 Tuần	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	7
Gia đình của bé	Gia đình bé	1 Tuần	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	8

Từ 28/10/2024 Đến 22/11/2024	Ngôi nhà gia đình ở	1 Tuần	Từ 4/11/2024 đến 8/11/2024	9
	Đồ dùng gia đình	1 Tuần	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	10
	Ngày hội của các thầy cô	1 Tuần	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	11
Nghề nghiệp Từ 25/11/2024 Đến 20/12/2024	Một số nghề phổ biến	1 Tuần	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	12
	Nghề dịch vụ	1 Tuần	Từ 02/12/2024 đến 6/12/2024	13
	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12	1 Tuần	Từ 9/12/2024 đến 13/12/2024	14
	Nghề truyền thống	1 Tuần	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	15
Thế giới động vật Từ 23/12/2024 Đến 17/01/2025	Một số con vật thuộc lớp thú	1 Tuần	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	16
	Một số con vật thuộc lớp chim	1 tuần	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025	17
	Một số con vật thuộc lớp cá	1 tuần	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	18
	Một số loài côn trùng	1 tuần	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	19
Tết nguyên đán, mùa xuân và lễ hội quê hương Từ 20/01/2025 Đến 21/02/2025	Tết nguyên đán	1 tuần	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	20
	<i>Nghỉ tết Từ ngày 27/01/2025 (Thứ Hai, ngày 28 tháng Chạp) đến hết ngày 8/02/2025 (Thứ Bảy, ngày 11 tháng Giêng).</i>			
	Mùa xuân	1 tuần	Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025	21
	Lễ hội quê em	1 tuần	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	22
Thế giới thực vật Từ 24/02/2025 Đến 21/03/2025	Một số loại hoa	1 tuần	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	23
	Ngày hội 8/3	1 Tuần	Từ 03/03/2025 đến 7/03/2025	24
	Một số loại rau, củ, quả	1 Tuần	Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025	25
	Một số loại cây	1 Tuần	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	26
Giao thông Từ 24/03/2025 Đến 11/04/2025	Một số PTGT đường bộ	1 Tuần	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	27
	Một số PTGT đường thủy, đường sắt, đường hàng không	1 Tuần	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	28

	Một số luật lệ giao thông	1 Tuần	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	29
Nước và các hiện tượng tự nhiên Từ 14/04/2025 Đến 02/05/2025	Nước và các nguồn nước	1 Tuần	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	30
	Một số hiện tượng tự nhiên	1 Tuần	Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025	31
	Bảo vệ môi trường	1 Tuần	Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025	32
Quê hương đất nước Bắc Hồ Từ 5/05/2025 Đến 23/05/2025	Đất nước Việt Nam diệu kỳ	1 Tuần	Từ 05/05/2025 đến 9/5/2025	33
	Bắc Hồ kính yêu	1 Tuần	Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025	34
	Quê hương yêu dấu	1 Tuần	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	35
Tổng		35 tuần		

V. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phiếu kèm theo)

GIÁO VIÊN THỰC HIỆN		XÁC NHẬN TỔ CHUYÊN MÔN	XÁC NHẬN CỦA BGH
		Tổ phó	PHT
			
Lê Thị Thủy – Vi Thị Hồng Thúy		Vũ Thị Thuận	Lê Thị Mai Hương

